



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 28



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Thanh Sơn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 10/01/2014)
	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 10/01/2014)
Ông Nguyễn Xuân Đức	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 10/01/2014)
		(Miễn nhiệm từ ngày 26/8/2014)
Ông Vũ Hữu Thịnh	Thành viên	
Ông Đặng Hùng	Thành viên	
Ông Hồ Ngân Chi	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 26/8/2014)

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Phạm Thị Thu Hằng	Trưởng ban	
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 26/8/2014)
Bà Trần Thị Hồng Khang	Thành viên	

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hữu Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê chuẩn rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



  
Phan Thanh Sơn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 26 tháng 3 năm 2015

  
Vũ Hữu Thịnh  
Tổng Giám đốc

189-0  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
M. T. I  
NHÂN  
A. N. O  
T. A. Y -



## Văn phòng Hà Nội

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52

[www.rsm.com.vn](http://www.rsm.com.vn) | [dtl\\_hanoi@rsm.com.vn](mailto:dtl_hanoi@rsm.com.vn)

Số. 29/2015/DTLHN - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 28.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Do không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2014 cũng như cách thức theo dõi, hạch toán tiền mặt và với những tài liệu hiện có của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu, hợp lý của số dư khoản mục tiền mặt số tiền 88.777.796 VND tại ngày 31/12/2014. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị của khoản mục tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.7 "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn":

- Công ty TNHH Viễn Thông Nisco (công ty con 100% vốn) đã tạm ngưng hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2015 theo thông báo với Cơ quan thuế. Đồng thời, trong năm 2014 Công ty đã góp bổ sung vốn vào công ty con này với số tiền là 300.000.000 VND bằng tiền mặt.
- Ngoài ra, Công ty đang trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám Mây – Công ty liên kết dựa trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán với số chỉ chỉ dự phòng tài chính là 146.819.556 VND tương ứng với 30% tỷ lệ vốn góp.



**Nguyễn Thành Lâm**

**Giám đốc**

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề số:  
0299-2013-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015*

**Hoàng Thị Vinh**

**Kiểm toán viên**

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề số:  
1678-2013-026-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.185.737.786</b>	<b>21.468.902.822</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>1.542.663.538</b>	<b>6.540.224.719</b>
1. Tiền	111		362.663.538	2.473.685.830
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.180.000.000	4.066.538.889
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.500.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	19.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.984.766.140</b>	<b>14.120.895.459</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	4.3	4.988.579.027	6.102.353.386
2. Trả trước cho người bán	132	4.4	4.844.356.472	5.221.298.210
3. Các khoản phải thu khác	135	4.5	15.906.179.477	3.551.592.699
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.3	(754.348.836)	(754.348.836)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>158.308.108</b>	<b>807.782.644</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	289.099.575
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		158.308.108	518.683.069
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.055.423.665</b>	<b>27.311.294.283</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.290.761.923</b>	<b>18.403.106.611</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	6.582.917.553	18.231.049.975
Nguyên giá	222		61.417.098.658	75.644.695.780
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.834.181.105)	(57.413.645.805)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		707.844.370	172.056.636
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.7</b>	<b>7.473.180.444</b>	<b>7.320.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.020.000.000	6.720.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		600.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(146.819.556)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.291.481.298</b>	<b>1.588.187.672</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	164.431.408
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	1.114.481.298	916.756.264
3. Tài sản dài hạn khác	268		177.000.000	507.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>62.241.161.451</b>	<b>48.780.197.105</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.992.954.081</b>	<b>18.657.017.692</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.710.128.775</b>	<b>14.682.579.415</b>
1. Phải trả người bán	312	4.8	3.886.778.604	4.757.559.597
2. Người mua trả tiền trước	313		1.263.463.432	200.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.9	3.478.676.373	599.082.412
4. Phải trả người lao động	315		170.741.997	-
5. Chi phí phải trả	316	4.10	6.964.156.112	6.065.405.958
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.11	2.994.213.607	3.102.818.497
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(47.901.350)	(42.287.049)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.282.825.306</b>	<b>3.974.438.277</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	4.12	2.282.825.306	3.974.438.277
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.248.207.370</b>	<b>30.123.179.413</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.13</b>	<b>41.248.207.370</b>	<b>30.123.179.413</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1.919.947.900)	(1.919.947.900)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.308.662.027	1.308.662.027
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		444.275.812	444.275.812
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.415.217.431	290.189.474
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>62.241.161.451</b>	<b>48.780.197.105</b>



Vũ Hữu Thịnh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Vũ Đức Trường  
Kế toán trưởng

Vũ Đức Trường  
Người lập



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	31.368.184.647	41.153.316.702
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	31.368.184.647	41.153.316.702
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	17.077.498.469	26.614.000.129
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.290.686.178	14.539.316.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		534.702.450	204.305.134
7. Chi phí tài chính	22		169.388.910	108.591.070
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.569.354	108.591.070
8. Chi phí bán hàng	24	5.3	7.940.591.202	6.691.457.815
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	3.441.272.353	6.821.844.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.274.136.163	1.321.728.645
11. Thu nhập khác	31	5.5	20.559.690.177	285.782.689
12. Chi phí khác	32	5.6	7.628.449.858	1.063.652.632
13. Lợi nhuận khác	40		12.931.240.319	(777.869.943)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.205.376.482	543.858.702
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	3.785.787.860	393.765.368
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	(197.725.034)	(26.452.181)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.617.313.656	176.545.515
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	4.493	59



Vũ Hữu Thịnh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Vũ Đức Trường  
 Kế toán trưởng

Vũ Đức Trường  
 Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		37.072.900.093	43.805.506.850
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.913.714.007)	(21.552.786.937)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.635.267.015)	(3.868.446.497)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(22.569.354)	(431.235.763)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	06	5.7	(746.175.591)	(152.565.918)
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	4.5	(13.700.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.944.825.874)</b>	<b>17.800.471.735</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(588.249.552)	(172.056.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ&TSDH khác	22		19.103.809.295	132.018.511
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	4.2	(19.500.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(900.000.000)	(7.320.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.7	600.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		534.702.450	204.305.134
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(749.737.807)</b>	<b>(7.155.732.991)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN phát hành	32		-	(1.919.947.900)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		740.000.000	2.250.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(740.000.000)	(5.185.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.302.997.500)	(1.263.080.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.302.997.500)</b>	<b>(6.118.027.900)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(4.997.561.181)</b>	<b>4.526.710.844</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>6.540.224.719</b>	<b>2.013.513.875</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>1.542.663.538</b>	<b>6.540.224.719</b>



Vũ Hữu Thịnh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Vũ Đức Trường  
 Kế toán trưởng

Vũ Đức Trường  
 Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103012994 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/06/2006. Từ khi thành lập Công ty thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 06 lần như sau:

<u>Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần:</u>	<u>Ngày</u>
Giấy chứng nhận ĐKDN điều chỉnh lần 1	06/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKDN điều chỉnh lần 2	13/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKDN điều chỉnh lần 3	06/6/2007
Giấy chứng nhận ĐKDN điều chỉnh lần 4	30/5/2008
Giấy chứng nhận ĐKDN điều chỉnh lần 5	23/3/2010
Giấy chứng nhận ĐKDN điều chỉnh lần 6	26/11/2014

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 12/3/2014, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có Thông báo số 164/TB-SGDHN về việc thông qua chấp thuận hủy niêm yết cổ phiếu mã NIS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng – Nisco với số lượng cổ phiếu hủy niêm yết là 3.000.000 cổ phiếu và ngày hủy niêm yết chính thức là ngày 18/3/2014.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có 01 công ty con với tỷ lệ góp vốn như sau:

Tên công ty	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Giá trị khoản đầu tư tại BCTC riêng của Công ty mẹ VND	Tỷ lệ vốn Công ty mẹ nắm giữ %	Giá trị khoản đầu tư tại BCTC riêng của Công ty mẹ VND	Tỷ lệ vốn Công ty mẹ nắm giữ %
Công ty TNHH Viễn thông Nisco	7.020.000.000	100%	6.720.000.000	100%

Hiện tại, Công ty TNHH Viễn thông Nisco đã tạm ngưng hoạt động theo Quyết định số 02/2014/QĐ-NIS-TELECOM ngày 30/11/2014 của Tổng Giám đốc và công ty con này đã gửi công văn tới cơ quan thuế ngày 20/01/2015 về việc công ty con này tạm ngưng hoạt động trong thời gian 6 tháng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Chi tiết trụ sở chính của Công ty và công ty con tại tầng 9, nhà D, Khách sạn Thể thao, Làng sinh viên Hacinco, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất, Công ty đã đóng cửa Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh trong năm 2014.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 8 người (Tại ngày 31/12/2013 là 29 người).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê cơ sở hạ tầng thiết bị viễn thông;
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị chống sét; và
- Xây dựng các công trình viễn thông cột ăng ten.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### 2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### 3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính này.

#### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (Năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 07
Máy móc, thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát và các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Sau đó, các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư nếu các khoản vốn đầu tư vào tổ chức kinh tế bị tổn thất do tổ chức kinh tế bị lỗ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.7 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận trong kỳ này mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

##### 3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### 3.9 Ghi nhận doanh thu

###### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản trong năm là số tiền cho thuê tài sản được xác định tương ứng với thời gian trong kỳ kế toán theo nguyên tắc làm tròn tháng.

###### *Thu nhập khác*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### 3.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 Thuế****Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.11 Thuế (Tiếp)

##### Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Tiếp)

###### Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế Thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan Thuế và Công ty dự định thanh toán thuế Thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cho thuê trạm 10%

##### Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	88.777.796	18.916.034
Tiền gửi ngân hàng	273.885.742	2.454.769.796
Các khoản tương đương tiền	1.180.000.000	4.066.538.889
<b>Cộng</b>	<b>1.542.663.538</b>	<b>6.540.224.719</b>

**4.2 Đầu tư ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành phố Sáng tạo	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.500.000.000</b>	<b>-</b>

**4.3 Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>4.988.579.027</b>	<b>6.102.353.386</b>
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>	-	5.367.398
CT TNHH PP & Ứng dụng Công nghệ NISCO-DTA	-	5.367.398
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>4.988.579.027</b>	<b>6.096.985.988</b>
Công ty Cổ phần Tháp Vàng BTS	1.063.463.432	-
Công ty CP Viễn thông Di động Toàn Cầu	504.227.868	-
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực II	252.413.763	222.274.716
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực IV	-	1.215.611.230
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực V	2.449.484.876	-
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực VI	633.071	2.907.878.363
Công ty Dịch vụ Viễn thông	220.432.926	1.037.773.229
Các khách hàng khác	497.923.091	713.448.450
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(754.348.836)</b>	<b>(754.348.836)</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.234.230.191</b>	<b>5.348.004.550</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước Nhà cung cấp khác</b>	<b>4.844.356.472</b>	<b>5.221.298.210</b>
Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến	-	143.568.000
Các trạm BTS (i)	4.692.623.125	4.926.632.606
Các nhà cung cấp khác	151.733.347	151.097.604
<b>Cộng</b>	<b>4.844.356.472</b>	<b>5.221.298.210</b>

(i): Đây chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn của người bán tại thời điểm ngày 31/12/2014.

**4.5 Các khoản phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại) VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>13.840.004.732</b>	<b>2.140.004.732</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hòa (i)	-	2.000.000.000
Ông Vũ Hữu Thịnh (ii)	13.700.000.000	-
Công ty TNHH Thiên Việt	140.004.732	140.004.732
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.066.174.745</b>	<b>1.411.587.967</b>
Phải thu tiền điện các trạm	1.164.789.222	1.051.712.954
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực IV	-	142.348.835
Phải thu khác	901.385.523	217.526.178
<b>Cộng</b>	<b>15.906.179.477</b>	<b>3.551.592.699</b>

(i): Trong năm 2014, Công ty đã thu được 2 tỷ VND từ khoản bán Công ty TNHH Phân phối và Ứng dụng Công nghệ NISCO – DTA (1 công ty con của Công ty trước đây) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hòa.

(ii): Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc tiếp tục thực hiện tái cấu trúc Công ty trong các năm tiếp theo, chuyển dần hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông sang các lĩnh vực kinh doanh khác hiệu quả và ủy quyền giao cho ông Vũ Hữu Thịnh - Tổng Giám đốc sử dụng 13,7 tỷ VND tiền mặt tại ngày 31/12/2014 để thực hiện và chịu trách nhiệm với công việc được giao trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải (Trình bày lại)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (Trình bày lại)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	73.891.421.979	1.661.185.706	92.088.095	75.644.695.780
XDCB hoàn thành	52.461.818	-	-	52.461.818
Thanh lý, nhượng bán	(13.833.344.518)	(172.639.783)	-	(14.005.984.301)
Giảm khác (iii)	(274.074.639)	-	-	(274.074.639)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>59.836.464.640</b>	<b>1.488.545.923</b>	<b>92.088.095</b>	<b>61.417.098.658</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	56.081.580.415	1.253.129.246	78.936.144	57.413.645.805
Trích khấu hao	9.061.357.699	171.772.392	7.891.152	9.241.021.243
Thanh lý, nhượng bán	(11.387.500.715)	(172.639.783)	-	(11.560.140.498)
Giảm khác (iii)	(260.345.445)	-	-	(260.345.445)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>53.495.091.954</b>	<b>1.252.261.855</b>	<b>86.827.296</b>	<b>54.834.181.105</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	17.809.841.564	408.056.460	13.151.951	18.231.049.975
Tại ngày 31/12/2014	6.341.372.686	236.284.068	5.260.799	6.582.917.553

(i): Bao gồm các tài sản cố định là các trạm BTS hầu hết do Công ty tự xây dựng và được ghi nhận vào tài sản cố định - Nhà cửa vật kiến trúc. Tại ngày 31/12/2014, Công ty có 221 trạm BTS (Tại ngày 31/12/2013 là 259 trạm).

Tại ngày 31/12/2014, tổng nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là 19.191.734.646 VND (Tại ngày 31/12/2013 là 2.209.864.953 VND).

(ii): Trong năm Công ty thực hiện thanh lý 38 trạm BTS cho Công ty Cổ phần Tháp Vàng BTS theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã thông qua.

(iii): Giảm khác là Công ty tháo dỡ trạm BTS theo Quyết định của Ban Giám đốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Đầu tư vào Công ty con	7.020.000.000	6.720.000.000
<i>Công ty TNHH Viễn thông Nisco (i)</i>	<i>7.020.000.000</i>	<i>6.720.000.000</i>
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	600.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám Mây (ii)</i>	<i>600.000.000</i>	<i>-</i>
Đầu tư dài hạn khác	-	600.000.000
<i>Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Đám mây -</i>		
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ</i>	<i>-</i>	<i>600.000.000</i>
<i>Viễn thông VITECO</i>		
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (iii)	(146.819.556)	-
<b>Cộng</b>	<b>7.473.180.444</b>	<b>7.320.000.000</b>

(i): Công ty TNHH Viễn thông Nisco được thành lập ngày 18/10/2012 với số vốn điều lệ là 10 tỷ VND và là công ty con 100% vốn góp của Công ty. Trong năm 2014, công ty con này đã góp thêm 300.000.000 VND bằng tiền mặt. Theo Quyết định số 02/2014/QĐ-NIS-TELECOM ngày 30/11/2014 của Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Viễn thông Nisco sẽ tạm ngưng hoạt động. Hiện tại, Công ty TNHH Viễn thông Nisco tạm ngưng hoạt động trong thời gian 06 tháng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 theo thông báo với Cơ quan thuế.

Theo Báo cáo tài chính năm 2014 chưa được kiểm toán của Công ty TNHH Viễn Thông Nisco, lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2014 là 260.602.564 VND. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

(ii): Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám Mây được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp ngày 03/4/2014. Vốn điều lệ của Công ty là 2 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng Mạng góp 600.000.000 VND tương đương với 30% vốn điều lệ.

(iii): Theo Báo cáo tài chính năm 2014 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Đám Mây, công ty liên kết này số lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 khoảng 488 triệu VND. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền 146.819.556 VND tương ứng với 30% tỷ lệ vốn góp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.8 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>143.849.427</b>	<b>2.983.003.668</b>
Công ty TNHH Viễn thông NISCO	-	2.674.958.905
CT TNHH PP và Ứng dụng Công nghệ Nisco - DTA	-	173.113.441
Công ty TNHH Thiên Việt	143.849.427	134.931.322
<b>Phải trả người bán khác bên thứ ba</b>	<b>3.742.929.177</b>	<b>1.774.555.929</b>
Công ty Viễn thông VTC	-	183.532.607
Công ty Cổ phần Kim Tinh	608.275.800	
Công ty TNHH TTS Hà Nội	853.382.585	
Công ty Đầu tư Xây dựng Số 2 Hà Nội	-	7.930.253
Các trạm BTS (i)	2.234.487.288	1.496.605.518
Các nhà cung cấp khác	46.783.504	86.487.551
<b>Cộng</b>	<b>3.886.778.604</b>	<b>4.757.559.597</b>

(i): Chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm BTS mà Công ty chưa trả đến ngày 31/12/2014.

**4.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	272.827.416	422.129.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.099.274.567	59.662.298
Thuế thu nhập cá nhân	106.574.390	117.290.706
<b>Cộng</b>	<b>3.478.676.373</b>	<b>599.082.412</b>

**4.10 Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Chi phí thuê mặt bằng trạm BTS (i)	6.964.156.112	6.065.405.958
<b>Cộng</b>	<b>6.964.156.112</b>	<b>6.065.405.958</b>

(i): Chi phí thuê mặt bằng trạm làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo thuyết minh số 5.8 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.11 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Phải trả, phải nộp khác bên liên quan</b>	<b>1.818.640.050</b>	<b>1.542.351.650</b>
Công ty TNHH Viễn thông Nisco	1.308.176.650	1.308.176.650
Công ty TNHH Thiên Việt	175.285.900	-
Phải trả tiền cổ tức các năm	335.177.500	234.175.000
<b>Phải trả, phải nộp khác bên thứ ba</b>	<b>1.175.573.557</b>	<b>1.560.466.847</b>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	61.535.822	92.731.602
Phải trả tiền điện các trạm	1.095.255.816	1.056.873.167
Phải trả khác	80.317.741	410.862.078
<b>Cộng</b>	<b>2.994.213.607</b>	<b>3.102.818.497</b>

**4.12 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2014 là khoản doanh thu do khách hàng ứng trước tiền thuê các trạm BTS của Công ty và thực hiện phân bổ doanh thu vào kỳ sau.

**4.13 Vốn chủ sở hữu****4.13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	30.000.000.000	-	1.308.662.027	444.275.812	1.395.900.971	33.148.838.810
Lãi trong năm	-	-	-	-	176.545.515	176.545.515
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Chia các quỹ	-	-	-	-	(82.257.012)	(82.257.012)
Giảm khác	-	(1.919.947.900)	-	-	-	(1.919.947.900)
Tại ngày 31/12/2013	30.000.000.000	(1.919.947.900)	1.308.662.027	444.275.812	290.189.474	30.123.179.413
Tại ngày 01/01/2014	30.000.000.000	(1.919.947.900)	1.308.662.027	444.275.812	290.189.474	30.123.179.413
Lãi trong năm	-	-	-	-	12.617.313.656	12.617.313.656
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(1.404.000.000)	(1.404.000.000)
Chia các quỹ (i)	-	-	-	-	(88.285.699)	(88.285.699)
Tại ngày 31/12/2014	30.000.000.000	(1.919.947.900)	1.308.662.027	444.275.812	11.415.217.431	41.248.207.370

(i): Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/8/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã quyết định chia cổ tức năm 2013 theo tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu và trích lập các quỹ chi tiết như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi 88.285.699 VND
- Lợi nhuận để chia cổ tức 1.404.000.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN Cổ phần		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
			VND	%	VND	%
Công ty Tài chính Bưu điện	600.000	20,00%	1.000.000.000	3,33%	1.000.000.000	3,33%
Công ty TNHH Thiên Việt	600.000	20,00%	1.500.000.000	5,00%	1.500.000.000	5,00%
Công ty CP Vật tư Bưu điện	200.000	6,67%	-	0,00%	2.000.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	1.600.000	53,33%	27.500.000.000	91,67%	25.500.000.000	85,00%
Trong đó:						
- Công ty CP XD & Lắp đặt VT	-	-	-	0,00%	6.469.000.000	21,56%
- Công ty CP Đầu tư Hải Hòa	-	-	-	0,00%	1.926.000.000	6,42%
- Ông Phan Thanh Sơn	-	-	5.835.000.000	19,45%	-	-
- Ông Vũ Hữu Thịnh	-	-	7.407.000.000	24,69%	-	-
- Ông Vũ Đức Trường	-	-	2.679.000.000	8,93%	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**4.13.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	192.000	192.000
- Cổ phiếu phổ thông	192.000	192.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.808.000	2.808.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.808.000	2.808.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.13.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
LN thuần phân bổ cho các cổ đông phổ thông	12.617.313.656	176.545.515
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.808.000	2.991.077
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>4.493</b>	<b>59</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>31.368.184.647</b>	<b>41.153.316.702</b>
Doanh thu cho thuê các trạm BTS	31.368.184.647	32.839.234.097
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.429.147.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ GTGT	-	6.884.935.117
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>31.368.184.647</b>	<b>41.153.316.702</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cho thuê trạm BTS	17.077.498.469	18.962.201.372
Giá vốn bán hàng hóa	-	1.333.209.247
Giá vốn cung cấp dịch vụ GTGT	-	6.318.589.510
<b>Cộng</b>	<b>17.077.498.469</b>	<b>26.614.000.129</b>

**5.3 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.044.559.493	1.035.512.219
Chi phí bằng tiền khác	6.896.031.709	5.655.945.596
<b>Cộng</b>	<b>7.940.591.202</b>	<b>6.691.457.815</b>

**5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.680.913.232	3.238.669.334
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	47.441.068	70.254.461
Chi phí khấu hao tài sản	179.663.544	299.648.284
Thuế và các khoản lệ phí	27.206.005	75.269.867
Chi phí dự phòng	-	560.774.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.935.422	780.391.329
Chi phí khác bằng tiền	1.300.113.082	1.596.836.484
<b>Cộng</b>	<b>3.441.272.353</b>	<b>6.621.844.177</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.5 Thu nhập khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu từ bán thanh lý trạm BTS	20.167.272.727	132.018.511
Thu nhập khác	392.417.450	153.764.178
<b>Cộng</b>	<b>20.559.690.177</b>	<b>285.782.689</b>

**5.6 Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý trạm BTS	2.445.843.803	981.731.566
Thi công sửa chữa trạm BTS để thanh lý	3.649.606.207	-
Tiền phạt thuế, truy thu thuế	-	61.754.842
Các khoản chi phí khác	1.532.999.848	20.166.224
<b>Cộng</b>	<b>7.628.449.858</b>	<b>1.063.652.632</b>

**5.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành (Tiếp)**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	16.205.376.482	543.858.702
<b>Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận</b>		
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>104.000.000</i>	<i>151.986.018</i>
CP không được khấu trừ (không hợp lệ)	104.000.000	151.986.018
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>898.750.154</i>	<i>120.237.188</i>
Giá vốn trích trước trong năm	8.892.892.668	5.956.528.137*
Giá vốn được hoàn nhập trong năm	(7.994.142.514)	(5.836.290.949)
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>17.208.126.636</b>	<b>816.081.908</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>17.208.126.636</b>	<b>816.081.908</b>
Thuế suất không ưu đãi	22%	25%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>3.785.787.860</b>	<b>204.020.477</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước theo Quyết toán thuế	-	189.744.891
<b>CP thuế TNDN năm hiện hành ước tính</b>	<b>3.785.787.860</b>	<b>393.765.368</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	59.662.298	(181.537.153)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(746.175.591)	(152.565.918)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>3.099.274.567</b>	<b>59.662.298</b>

**5.8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.114.481.298</b>	<b>916.756.264</b>		
Thuế thu nhập hoãn lại năm trước	916.756.264	890.304.083		
Thuế TN hoãn lại năm nay	1.956.436.387	1.310.436.190	(1.956.436.387)	(1.310.436.190)
H/nhập thuế hoãn lại do có hóa đơn	(1.758.711.353)	(1.283.984.009)	1.758.711.353	1.283.984.009
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại thuần</b>			<b>(197.725.034)</b>	<b>(26.452.181)</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến chi phí thuế mặt bằng trạm chưa có đủ hóa đơn đến ngày 31/12/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	1.680.913.232	3.238.669.334
Chi phí vật liệu và CCDC	54.641.068	70.254.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.241.021.243	11.155.689.151
Thuế và các khoản lệ phí	27.206.005	75.269.867
Chi phí dự phòng	-	560.774.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.266.930.230	17.577.632.142
Chi phí khác bằng tiền	8.188.650.246	7.252.782.080
<b>Cộng</b>	<b>28.459.362.024</b>	<b>39.927.302.121</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Công ty Tài chính Bưu điện, Công ty TNHH Thiên Việt, các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị của Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

Trong năm, Công ty có các giao dịch bán hàng sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
CT TNHH PP & Ứng dụng Công nghệ NISCO-DTA	-	1.193.691.238
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hòa	-	43.500.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.193.691.238</b>

**Chi phí mua hàng**

Trong năm 2014, Công ty có sử dụng các dịch vụ:

- Bảo dưỡng trạm BTS của Công ty TNHH Viễn thông Nisco: 0 VND (Tập trung thanh toán số tiền bảo dưỡng năm 2013 còn lại là 4.239.895.112 VND);
- Thuê xe của Ông Đặng Hùng số tiền là 217.768.000 VND (Năm 2013 là 217.768.000 VND); và
- Mua vật tư lắp đặt nâng cấp trạm phủ sóng Inbuilding và thuê trạm IBS G3CD của Công ty TNHH Thiên Việt là 549.590.112 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)****Các giao dịch khác**

- Chia cổ tức năm 2013: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.13 "Vốn chủ sở hữu" và Thuyết minh số 4.11 "Các khoản phải trả, phải nộp khác" liên quan đến cổ tức còn phải trả.
- Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.7 "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn".
- Giao dịch giao tiền mặt và ủy quyền cho ông Vũ Hữu Thịnh thực hiện công việc tái cấu trúc Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.5 "Các khoản phải thu khác".

**Các khoản phải trả**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại) VND
<b>Khoản phải trả nhà cung cấp</b>	<b>143.849.427</b>	<b>2.983.003.668</b>
Công ty TNHH Viễn thông Nisco	-	2.674.958.905
CT TNHH PP và Ứng dụng Công nghệ NISCO-DTA	-	173.113.441
Công ty TNHH Thiên Việt	143.849.427	134.931.322
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>1.818.640.050</b>	<b>1.542.351.650</b>
Công ty TNHH Viễn thông Nisco	1.308.176.650	1.308.176.650
Công ty TNHH Thiên Việt	175.285.900	-
Tiền cổ tức từ các năm	335.177.500	234.175.000
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.924.902.044</b>
Công ty TNHH Viễn thông Nisco	-	1.924.902.044
<b>Cộng</b>	<b>1.982.489.477</b>	<b>6.450.257.362</b>

**Các khoản phải thu**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại) VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>39.889.460</b>	<b>49.889.460</b>
Ông Mai Tuấn Dũng	39.889.460	44.889.460
Ông Vũ Hữu Thịnh	-	5.000.000
<b>Phải thu khác (i)</b>	<b>13.840.004.732</b>	<b>2.140.004.732</b>
Ông Vũ Hữu Thịnh	13.700.000.000	-
Công ty TNHH Thiên Việt	140.004.732	140.004.732
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hòa	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.879.894.192</b>	<b>2.189.894.192</b>

(i): Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.5 "Các khoản phải thu khác".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)****Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	454.900.000	659.200.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	114.000.000	130.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	22.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>568.900.000</b>	<b>807.200.000</b>

**6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Quyết định số 05/2014/QĐ-HĐQT ngày 11/11/2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã quyết định bán tiếp cho Công ty Cổ phần Tháp Vàng BTS 53 trạm BTS tiếp theo. Thời gian thực hiện trong vòng 03 tháng kể từ ngày 01/11/2014. Đến ngày 01/3/2015 theo biên bản nghiệm thu từng phần, Công ty đã bàn giao xong 49 trạm cho Công ty Cổ phần Tháp Vàng BTS và theo đó số trạm của Công ty còn lại 172 trạm BTS.

Ngoài sự kiện trên không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**6.3 Giao dịch quan trọng**

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/8/2014, Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty, thực hiện bán các tài sản hạ tầng cho thuê với mức giá thỏa thuận, thay đổi cơ cấu cổ đông chính cùng với giảm quy mô nhân viên, tìm kiếm thị trường mới và chuyển dần hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông sang các lĩnh vực kinh doanh khác hiệu quả.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm nay.



Vũ Hữu Thịnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Vũ Đức Trường  
Kế toán trưởng

Vũ Đức Trường  
Người lập